CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

Dự thảo 20/11/2026

NGHỊ ĐỊNH
Ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định về Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ..., thay thế Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tên đường phố, công trình công cộng đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục được sử dụng, trừ trường hợp phải đổi tên theo quy định tại Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Hồ sơ đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng đang trong quá trình giải quyết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành quyết định thì thẩm quyền giải quyết thực hiện theo quy định tại Nghị định này; trình tự, thủ tục đã thực hiện được tiếp tục công nhận, không phải thực hiện lại, trừ trường hợp việc đặt tên, đổi tên không bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này thì phải thực hiện lại trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định này.

3. Ngân hàng tên đường phố, công trình công cộng đã được xây dựng trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức rà soát, chuẩn hóa, số hóa ngân hàng tên theo Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Biển tên đường phố đã được gắn trước ngày Nghị định này có hiệu lực và bảo đảm an toàn, khả năng nhận biết được tiếp tục sử dụng. Việc thay thế, điều chỉnh biển tên được thực hiện khi biển bị hư hỏng, không bảo đảm an toàn, khả năng nhận diện.

5. Ngõ (kiệt), ngách (hẻm) không thuộc đối tượng đặt tên, đổi tên theo Quy chế này. Việc xác định tên gọi theo số nhà, đánh số và gắn biển số nhà trong ngõ (kiệt), ngách (hẻm) thực hiện theo quy định của pháp luật về đánh số và gắn biển số nhà.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cổng pháp luật quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu : VT, KGVX (5b)

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng
(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày / /2026 của Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng; việc xây dựng, công bố cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng; việc quản lý, sử dụng ngân hàng tên và tổ chức thực hiện việc đặt tên, đổi tên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc tham mưu việc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng.

2. Chủ đầu tư, chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình công cộng.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đường phố là một loại đường đô thị theo quy định của pháp luật về đường bộ có chức năng chính là kết nối giao thông trong không gian đô thị, không bao gồm đường cao tốc đô thị, ngõ, ngách, kiệt, hẻm.

2. Công trình công cộng là các công trình xây dựng thuộc hệ thống công trình hạ tầng xã hội theo quy định của pháp luật về xây dựng, được sử dụng cho mục đích công cộng, bao gồm: sân vận động; nhà thi đấu; sân tập luyện, thi đấu các môn thể thao; bể bơi; Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hoá, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường; các công trình di tích; bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; công trình có tính biểu trưng nghệ thuật (tượng đài ngoài trời, cổng chào...), công trình vui chơi, giải trí và các công trình văn hoá khác.

Vị trí, chức năng, cấp quy mô của công trình công cộng do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xác định.

3. Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng là tập hợp các dữ liệu điện tử về tên gọi, nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, tình trạng sử dụng của tên gọi và các thông tin có liên quan, phục vụ việc lựa chọn, đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng.

4. Ngân hàng tên là tập hợp các tên đã được nghiên cứu, xác minh, hệ thống hóa để phục vụ việc lựa chọn tên đường phố, công trình công cộng.

Chương II
NGUYÊN TẮC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG PHỐ, CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Điều 4. Nguyên tắc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng

1. Việc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng phải phù hợp với lịch sử, văn hóa, truyền thống, thuần phong mỹ tục của dân tộc và đặc trưng của địa phương; góp phần bảo tồn, tôn vinh, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa và giáo dục truyền thống.

2. Tên đặt cho đường phố, công trình công cộng phải được thể hiện bằng tiếng Việt. Trường hợp sử dụng tên có nguồn gốc nước ngoài hoặc tiếng dân tộc thiểu số thì phải được phiên âm sang tiếng Việt và được chuẩn hoá địa danh, sử dụng, thể hiện chính xác, thống nhất theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ.

3. Việc lựa chọn tên phải phù hợp với vị trí, chức năng, cấp, quy mô của đường phố, công trình công cộng và ý nghĩa, tầm quan trọng của địa danh, sự kiện lịch sử, văn hóa, công lao của danh nhân được lựa chọn để đặt tên. Ưu tiên sử dụng tên danh nhân, địa danh, sự kiện lịch sử, văn hóa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của quốc gia để đặt tên cho đường phố, công trình công cộng có vị trí, chức năng, cấp, quy mô tương xứng.

4. Ưu tiên sử dụng tên địa danh nổi tiếng, sự kiện lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, danh nhân tiêu biểu của địa phương để đặt tên đường phố, công trình công cộng, bảo đảm thể hiện đặc trưng và bản sắc của địa phương.

5. Không sử dụng các tên gọi khác nhau của cùng một danh nhân để đặt tên đường phố, công trình công cộng mới trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã, trừ trường hợp địa phương là quê hương của danh nhân hoặc trường hợp đặc biệt

gắn với các dấu mốc lịch sử có ý nghĩa đặc biệt trong cuộc đời, sự nghiệp của danh nhân. Không sử dụng tên trong cùng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Việc sử dụng tên danh nhân nước ngoài để đặt tên đường phố, công trình công cộng phải phù hợp với mức độ đóng góp, tầm ảnh hưởng của danh nhân và mối liên hệ với Việt Nam hoặc địa phương.

7. Việc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng phải bảo đảm tính khoa học, hệ thống, ổn định, dễ nhận biết, dễ sử dụng; thuận lợi cho quản lý hành chính, giao thông, địa chỉ, thông tin liên lạc, cứu hộ, cứu nạn và hoạt động của tổ chức, cá nhân; bảo đảm thống nhất giữa văn bản quyết định đặt tên, đổi tên với biển tên, hồ sơ quản lý, cơ sở dữ liệu và bản đồ số.

Điều 5. Tên được sử dụng đặt cho đường phố, công trình công cộng

1. Tên sử dụng để đặt cho đường phố gồm các nhóm tên theo quy định tại Điều 11 Luật Đường bộ, bao gồm:

a) Tên danh nhân, bao gồm danh nhân Việt Nam và người nước ngoài; người có công với đất nước (sau đây gọi chung là danh nhân). Danh nhân phải là người nổi tiếng, có đức, có tài, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, địa phương hoặc có đóng góp đặc biệt cho đất nước; có công lớn trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc, được Nhân dân suy tôn và thừa nhận.

Tên danh nhân được xem xét đặt cho đường phố, công trình công cộng 20 năm sau khi qua đời. Trường hợp đặc biệt, tên danh nhân được xem xét đặt cho đường phố, công trình công cộng trước 20 năm nhưng ít nhất phải được 10 năm sau khi qua đời, là người tiêu biểu trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, được cấp có thẩm quyền ghi nhận có nhiều công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc đối với đất nước.

Những nhân vật lịch sử còn có ý kiến đánh giá khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử thì chưa xem xét đặt tên cho đường phố, công trình công cộng.

Việc sử dụng tên danh nhân phải có hồ sơ, tài liệu xác thực về tên gọi, thân thế, sự nghiệp, công lao và giá trị lịch sử, văn hóa của danh nhân.

b) Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương và đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá;

c) Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương;

d) Tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước hoặc địa phương; địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân; tên địa phương kết nghĩa hoặc có mối quan hệ đặc biệt;

đ) Tên theo tập quán đã được sử dụng ổn định, được cộng đồng thừa nhận và không trái với các nguyên tắc của Quy chế này.

2. Tên sử dụng để đặt cho công trình công cộng gồm:

a) Các tên quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Danh từ hoặc mốc thời gian có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, lịch sử, văn hóa, xã hội như Độc lập, Tự do, Dân chủ, Thống nhất, Giải phóng, Đồng khởi, 30-4, 2-9, …;

c) Tên khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc sử dụng tên người nước ngoài có đóng góp đặc biệt đối với Việt Nam hoặc địa phương phải được Hội đồng tư vấn xem xét trên cơ sở hồ sơ xác thực và bảo đảm phù hợp với pháp luật, quan hệ đối ngoại và truyền thống văn hóa Việt Nam.

Điều 6. Đặt tên đường phố, công trình công cộng

1. Đường phố, công trình công cộng được xem xét đặt tên khi đã được xây dựng, đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Đường phố, công trình công cộng được đặt tên theo các nhóm tên quy định tại Điều 5 Quy chế này, bảo đảm các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Quy chế này và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

3. Vị trí, chức năng, cấp, quy mô của đường phố, công trình công cộng được xác định căn cứ vào hồ sơ quản lý đường phố, công trình công cộng và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp không có hồ sơ hoặc hồ sơ không xác định cấp đường phố, công trình công cộng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Mỗi đường phố được đặt một tên thống nhất trên toàn tuyến, trừ trường hợp cần phải chia thành các đoạn để đặt tên do đặc điểm lịch sử, không gian đô thị, chức năng giao thông hoặc đặc điểm quản lý. Điểm phân đoạn phải là nút giao hoặc ranh giới tự nhiên; mỗi đoạn phải xác định điểm đầu, điểm cuối. Điểm đầu của đường phố được xác định thống nhất với quy định của pháp luật về đánh số và gắn biển số nhà.

Điều 7. Đổi tên đường phố, công trình công cộng

1. Không đổi tên đường phố, công trình công cộng đã có tên gọi quen thuộc, đã gắn bó với lịch sử - văn hoá của dân tộc, của địa phương và đã ăn sâu vào trong tiềm thức, tình cảm của nhân dân qua nhiều thế hệ. Trường hợp đường phố, công trình công cộng đã đặt tên mà xét thấy không có ý nghĩa lịch sử - văn hoá; tên những nhân vật lịch sử còn có ý kiến đánh giá khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử; không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc; không phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước hoặc của địa phương, gây ảnh hưởng, tác động xấu trong xã hội thì phải đổi tên, nhưng cần xem xét thận trọng.

Trường hợp đường phố, công trình công cộng đã được đặt tên mà xét thấy tên bị trùng lặp gây nhầm lẫn nghiêm trọng trong hoạt động quản lý nhà nước, giao dịch dân sự, công tác cứu nạn, cứu hộ trên cùng một địa bàn đơn vị hành chính cấp xã thì phải xem xét đổi tên.

2. Việc xem xét, quyết định đổi tên đường phố, công trình công cộng được thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Chương III Quy chế này.

3. Việc bổ sung yếu tố định danh vào tên đường phố, công trình công cộng nhằm phân biệt đường phố, công trình công cộng có tên gọi trùng nhau trên cùng một địa bàn cấp xã do điều chỉnh địa giới hành chính không được coi là trường hợp đổi tên theo quy định tại Quy chế này.

Điều 8. Cơ sở dữ liệu, ngân hàng tên đường phố, công trình công cộng

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên quan xây dựng, quản lý, cập nhật và công bố Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng để các tỉnh/thành tham khảo, sử dụng để xây dựng ngân hàng tên đường phố, công trình công cộng tại địa phương.

Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng bao gồm:

a) Tên danh nhân Việt Nam có đóng góp tiêu biểu đối với đất nước; danh nhân nước ngoài có đóng góp đặc biệt đối với Việt Nam;

b) Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng có ý nghĩa tiêu biểu đối với đất nước;

c) Tên địa danh có giá trị, ý nghĩa tiêu biểu về lịch sử, văn hóa của đất nước;

d) Tên theo tập quán và các tên gọi khác có giá trị, ý nghĩa tiêu biểu ở phạm vi quốc gia hoặc được sử dụng phổ biến tại nhiều địa phương.

Đối với từng tên gọi quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Cơ sở dữ liệu phải đầy đủ các thông tin về tên gọi, nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, tình trạng sử dụng và các thông tin có liên quan.

2. Ngân hàng tên đường phố, công trình công cộng tại các tỉnh/thành do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, công bố và cập nhật thường xuyên. Cơ quan chuyên môn về văn hóa là cơ quan đầu mối xây dựng, quản lý, cập nhật và khai thác ngân hàng tên; tổ chức nghiên cứu, xác minh nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa và các thông tin có liên quan đối với tên dự kiến đưa vào ngân hàng tên.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt ngân hàng tên và việc bổ sung ngân hàng tên.

Ngân hàng tên bao gồm: Tên đã được sử dụng; tên đã được nghiên cứu, xác minh và đề xuất sử dụng; thông tin về nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị của tên; tình trạng sử dụng của từng tên; thông tin khác cần thiết.

Ngân hàng tên phải được cập nhật thường xuyên, số hóa và công khai theo quy định. Tên chưa có trong ngân hàng tên được xem xét để đặt tên nếu đáp ứng quy định của Quy chế này. Việc bổ sung tên vào ngân hàng tên của địa phương được thực hiện đồng thời trong quá trình xem xét phương án đặt tên.

3. Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng là nguồn thông tin để các địa phương tham khảo, khai thác, sử dụng trong quá trình xây dựng, quản lý và cập nhật ngân hàng tên tại địa phương. Việc khai thác, sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng không bắt buộc địa phương phải sao chép hoặc đồng bộ toàn bộ dữ liệu vào ngân hàng tên của địa phương.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn về văn hóa cung cấp thông tin về tình trạng sử dụng đối với các tên thuộc Cơ sở dữ liệu đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên trên địa bàn để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cập nhật Cơ sở dữ liệu.

Trường hợp phát hiện thông tin trong Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng có sai lệch hoặc chưa thống nhất với tài liệu, tư liệu được xác minh tại địa phương, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để phối hợp kiểm tra, xác minh, cập nhật, điều chỉnh theo quy định.

Điều 9. Đặt tên, đổi tên công trình thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân hoặc do tổ chức, cá nhân đầu tư 100% kinh phí để xây dựng

1. Tổ chức, cá nhân quyết định đặt tên, đổi tên công trình thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân hoặc do tổ chức, cá nhân đầu tư 100% kinh phí để xây dựng được sử dụng vào mục đích khai thác, kinh doanh, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu chung của cộng đồng.

2. Việc đặt tên, đổi tên đáp ứng các nguyên tắc và quy định tại Điều 4 Quy chế này. Khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng tên trong Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng.

3. Khi phát hiện tên của công trình có dấu hiệu trái nguyên tắc quy định tại Điều 4 Quy chế này, cơ quan chuyên môn về văn hóa chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân sở hữu công trình tổ chức lấy ý kiến tham vấn của Hội đồng tư vấn về tên của công trình nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Quy chế này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

4. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc đổi tên công trình trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân có văn bản yêu cầu đổi tên.

Chương III

THẨM QUYỀN VÀ QUY TRÌNH XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH VIỆC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG PHỐ, CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Điều 10. Thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng

1. Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

a) Đặt tên, đổi tên đường phố trên địa bàn;

b) Đặt tên, đổi tên công trình công cộng trên địa bàn là tài sản công hoặc được đầu tư xây dựng có sử dụng ngân sách nhà nước, không phụ thuộc vào tỷ lệ ngân sách nhà nước tham gia.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đối với đường phố, công trình công cộng quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại các Điều 11, 12, 13 và 14 của Quy chế này.

Điều 11. Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng.

2. Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Cơ quan chuyên môn về văn hóa là cơ quan thường trực của Hội đồng. Cơ quan thường trực của Hội đồng có trách nhiệm tiếp nhận, tổng hợp hồ sơ, tài liệu liên quan việc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng; chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ hoạt động tư vấn của Hội đồng; tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng; xây dựng dự thảo văn bản ý kiến tư vấn của Hội đồng, trình Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định.

4. Thành viên Hội đồng gồm đại diện cơ quan chuyên môn về xây dựng; cơ quan chuyên môn về đất đai, môi trường; cơ quan chuyên môn về nội vụ; đại diện Công an cấp tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh. Tùy theo tính chất, nội dung của hồ sơ đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng, Hội đồng tư vấn mời đại diện cơ quan chuyên môn về dân tộc, tôn giáo và các chuyên gia có chuyên môn, kinh nghiệm trong các lĩnh vực lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ, quy hoạch, giao thông, khoa học và công nghệ tham gia tư vấn.

Thành viên của Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

5. Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên có nhiệm vụ:

a) Cho ý kiến về việc xây dựng, bổ sung tên vào ngân hàng tên;

b) Tư vấn về nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và tính phù hợp của tên dự kiến;

c) Tư vấn về sự tương xứng giữa tên dự kiến với đường phố, công trình công cộng;

d) Cho ý kiến đối với phương án đặt tên, đổi tên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy chế này;

đ) Cho ý kiến tư vấn về tên công trình công cộng do tổ chức, cá nhân đặt theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về văn hóa trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này;

e) Tư vấn xử lý trường hợp có ý kiến khác nhau về tên.

6. Căn cứ nội dung từng hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng được mời chuyên gia, nhà khoa học tham gia tư vấn.

7. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận dân chủ và kết luận theo đa số. Kết quả làm việc của Hội đồng được thể hiện bằng văn bản kết luận do Chủ tịch Hội đồng ký, trong đó nêu rõ nội dung kết luận và các ý kiến khác nhau (nếu có). Văn bản kết luận được gửi đến cơ quan chuyên môn về văn hóa để tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Ý kiến của Hội đồng là ý kiến tư vấn chuyên môn, không thay thế thẩm quyền quyết định việc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Hồ sơ đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng

1. Hồ sơ đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng được lập riêng đối với từng đường phố, công trình công cộng, bao gồm:

a) Tờ trình theo Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Phương án đặt tên, đổi tên theo Mẫu số 03 hoặc Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, cơ quan, tổ chức có liên quan;

d) Văn bản kết luận của Hội đồng tư vấn;

đ) Hồ sơ, tài liệu xác minh nguồn gốc, ý nghĩa của tên dự kiến;

e) Sơ đồ vị trí đường phố, công trình công cộng dự kiến đặt tên.

g) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về việc đặt tên, đổi tên theo thẩm quyền;

h) Tài liệu khác có liên quan.

2. Phương án đặt tên, đổi tên gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Đường phố, công trình công cộng được đề nghị đặt tên, đổi tên;

b) Vị trí, điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, chiều rộng, cấp, chức năng đối với đường phố; vị trí, chức năng, loại, cấp, quy mô, phạm vi phục vụ, cơ quan, tổ chức được giao quản lý đối với công trình công cộng;

c) Tên dự kiến; các thông tin về nguồn gốc tên gọi, danh nhân, địa danh, sự kiện lịch sử, văn hóa, vị trí và các thông tin khác có liên quan dự kiến đưa vào mã QR trên biển tên;

d) Thuyết minh về việc đáp ứng điều kiện đặt tên; nguồn gốc, ý nghĩa của tên dự kiến;

đ) Tóm tắt ý nghĩa của tên dự kiến đặt cho đường phố, công trình công cộng; mô tả tóm tắt về quy mô của đường phố hoặc công trình công cộng đó; Căn cứ xác định sự tương xứng giữa tên dự kiến với đường phố hoặc công trình công cộng;

e) Lý do đổi tên và đánh giá tác động đối với trường hợp đổi tên;

g) Bản đồ, sơ đồ hoặc dữ liệu không gian xác định đường phố, công trình công cộng;

h) Nội dung khác có liên quan.

Điều 13. Trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng

1. Đề xuất và xây dựng phương án đặt tên, đổi tên

a) Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, xác định đường phố, công trình công cộng cần đặt tên, đổi tên trên địa bàn; xây dựng phương án đặt tên, đổi tên và gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa sau khi thực hiện việc lấy ý kiến, tiếp thu, giải trình theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đối với đường phố đi qua địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên và các trường hợp cần đổi tên theo quy định tại Quy chế này, cơ quan chuyên môn về văn hóa rà soát, đề xuất phương án đặt tên, đổi tên; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, lấy ý kiến về phương án đặt tên, đổi tên; nghiên cứu, xác minh nguồn gốc, ý nghĩa của tên dự kiến;

c) Trường hợp tên dự kiến chưa có trong ngân hàng tên thì thực hiện việc bổ sung vào ngân hàng tên đồng thời với quá trình xây dựng, hoàn thiện phương án đặt tên, đổi tên.

2. Lấy ý kiến về phương án đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư nơi có đường phố, công trình công cộng dự kiến được đặt tên, đổi tên đối với

phương án do mình xây dựng; tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và công khai kết quả tiếp thu, giải trình ý kiến trước khi gửi phương án đến cơ quan chuyên môn về văn hóa;

b) Cơ quan chuyên môn về văn hóa chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư đối với phương án do mình xây dựng; chủ trì lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan đối với cả phương án do mình xây dựng và phương án do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến. Trường hợp dự kiến sử dụng tên có nguồn gốc nước ngoài, phải lấy ý kiến cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đối ngoại.

Cơ quan chuyên môn về văn hóa có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến; hoàn thiện phương án đặt tên, đổi tên và công khai kết quả tiếp thu, giải trình trước khi gửi Hội đồng tư vấn xem xét, cho ý kiến. Trường hợp còn có nhiều ý kiến khác nhau, gây tranh cãi trong dư luận, cơ quan chuyên môn về văn hóa tổng hợp, đề xuất phương án xử lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trước khi gửi phương án đến Hội đồng tư vấn.

c) Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư quy định tại điểm a và điểm b khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Thời gian lấy ý kiến là 30 ngày kể từ ngày phương án được công khai. Kết quả tiếp thu, giải trình ý kiến của cộng đồng dân cư được công khai theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Lấy ý kiến Hội đồng tư vấn

a) Cơ quan chuyên môn về văn hóa gửi phương án đặt tên, đổi tên đã được chỉnh lý đến Hội đồng tư vấn để xem xét, cho ý kiến;

b) Hội đồng tư vấn xem xét, cho ý kiến về nguồn gốc, ý nghĩa, tính chính xác của tên dự kiến; sự phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Quy chế này; sự tương xứng giữa tên dự kiến với đường phố, công trình công cộng; kết quả lấy ý kiến và việc tiếp thu, giải trình;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ phương án và tài liệu có liên quan, Hội đồng tư vấn tổ chức thảo luận, thống nhất kết luận theo đa số.

Kết luận của Hội đồng tư vấn được thể hiện bằng văn bản do Chủ tịch Hội đồng ký, gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa để tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

4. Hoàn thiện hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Hội đồng tư vấn, cơ quan chuyên môn về văn hóa có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình; lập Tờ trình, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Quy chế này và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

b) Trường hợp việc chỉnh sửa làm thay đổi tên dự kiến đã được lấy ý kiến thì phải thực hiện lại việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa bảo đảm yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu cơ quan chuyên môn về văn hóa hoàn thiện hồ sơ, trong đó nêu rõ nội dung cần hoàn thiện. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn quy định tại khoản này;

d) Văn bản quyết định đặt tên, đổi tên phải được công bố công khai theo quy định.

Điều 14. Gắn biển tên và quản lý, cập nhật dữ liệu về tên đường phố, công trình công cộng

1. Đường phố, công trình công cộng sau khi được đặt tên, đổi tên phải được gắn biển tên.

2. Biển tên đường phố, công trình công cộng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Bảo đảm rõ ràng, dễ nhận biết, dễ đọc, bền vững, an toàn, phù hợp với mỹ quan đô thị và điều kiện thực tế tại vị trí lắp đặt;

b) Nội dung biển tên phải thể hiện chính xác, thống nhất với tên được cơ quan có thẩm quyền quyết định. Biển tên phải tích hợp mã QR hoặc phương thức điện tử khác để cung cấp thông tin về nguồn gốc, ý nghĩa của tên gọi và các thông tin khác có liên quan.

c) Biển tên đường phố có nền màu xanh lam sẫm, chữ màu trắng, sử dụng kiểu chữ in hoa không chân. Tên đường phố được thể hiện rõ ràng, nổi bật trên biển tên.

Biển tên công trình công cộng được thiết kế phù hợp với tính chất, chức năng, quy mô và đặc điểm kiến trúc của công trình, bảo đảm các yêu cầu quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

d) Biển tên đường phố được lắp đặt tại vị trí dễ quan sát ở đầu tuyến, cuối tuyến và các vị trí giao nhau cần thiết; bảo đảm an toàn giao thông, không cản trở tầm nhìn và hoạt động của người tham gia giao thông. Biển tên công trình công cộng được lắp đặt tại vị trí phù hợp, thuận tiện cho việc nhận biết công trình.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau đây trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản quyết định đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng có hiệu lực:

a) Gắn mới, thay thế hoặc điều chỉnh biển tên đường phố, công trình công cộng;

b) Cập nhật tình trạng sử dụng của tên trong ngân hàng tên;

c) Cập nhật thông tin về tên đường phố, công trình công cộng trên bản đồ, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý;

d) Thông báo cho cơ quan, tổ chức có liên quan để cập nhật thông tin phục vụ quản lý nhà nước;

đ) Thông tin đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn về việc đặt tên, đổi tên.

4. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có sử dụng thông tin về địa chỉ, tên đường phố có trách nhiệm cập nhật thông tin theo phạm vi quản lý. Việc thay đổi, cập nhật thông tin trên giấy tờ, hồ sơ của tổ chức, cá nhân do đặt tên, đổi tên đường phố được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chủ trì xây dựng và công bố Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng trước ngày 31 tháng 12 năm 2028.

2. Thực hiện quản lý nhà nước về đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng trong phạm vi cả nước.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế.

4. Phối hợp với Bộ Xây dựng và bộ, ngành liên quan bảo đảm thống nhất giữa việc đặt tên, đổi tên với quản lý đường bộ, xây dựng, quy hoạch và dữ liệu.

5. Hướng dẫn chuẩn hóa thông tin, dữ liệu về tên đường phố, công trình công cộng.

Điều 16. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan có liên quan

1. Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, giải quyết các vấn đề liên quan đến xác định, quản lý đường phố và các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ trong việc đặt tên, đổi tên đường phố.

2. Bộ Công an phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan trong việc kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin về tên đường phố, công trình công cộng phục vụ quản lý dân cư, địa chỉ và các yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan trong việc xem xét các vấn đề về đối ngoại phát sinh trong đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng, đặc biệt đối với trường hợp sử dụng tên có nguồn gốc nước ngoài.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, quản lý và cập nhật Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện Quy chế này.

6. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, quản lý và cập nhật Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức thực hiện Quy chế trên địa bàn.

2. Bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng.

3. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về văn hóa và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ về đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng theo quy định của Quy chế này.

4. Tổ chức quản lý biển tên đường phố; chỉ đạo cập nhật, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu có liên quan.

5. Bố trí kinh phí để thực hiện đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng; gắn biển tên đường phố; xây dựng, cập nhật ngân hàng tên và các dữ liệu liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý hành vi vi phạm trong việc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng theo thẩm quyền.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Rà soát đường phố, công trình công cộng trên địa bàn có nhu cầu đặt tên và các trường hợp cần xem xét đổi tên theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; đề xuất việc đặt tên, đổi tên theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế này.

2. Phối hợp với cơ quan chuyên môn về văn hóa trong việc rà soát, thống kê tên đường phố và công trình công cộng; xây dựng phương án đặt tên, đổi tên; cung cấp thông tin, tài liệu và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân.

3. Tổ chức thực hiện quyết định đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng theo phân công của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Phối hợp quản lý biển tên đường phố; cập nhật, cung cấp và đối soát thông tin, dữ liệu có liên quan.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế này./.

Phụ lục

MẪU VĂN BẢN DÙNG TRONG HỒ SƠ ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG PHỐ, CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

(Ban hành kèm theo Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng)

Mẫu số 01	Tờ trình về việc đặt tên đường phố, công trình công cộng
Mẫu số 02	Tờ trình về việc đổi tên đường phố, công trình công cộng
Mẫu số 03	Phương án đặt tên đường phố, công trình công cộng
Mẫu số 04	Phương án đổi tên đường phố, công trình công cộng

Mẫu số 01. Tờ trình về việc đặt tên đường phố, công trình công cộng

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/THÀNH PHỐ ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../TTr-UBND	..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Về việc đặt tên đường phố/công trình công cộng

trên địa bàn tỉnh/thành phố ...

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng;

Trên cơ sở hồ sơ do cơ quan chuyên môn về văn hóa lập, ý kiến của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng và kết quả lấy ý kiến theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... trình Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố ... xem xét, quyết định những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT ĐẶT TÊN

1. Khái quát hiện trạng, nhu cầu đặt tên đường phố, công trình công cộng trên địa bàn; yêu cầu phục vụ quản lý, giao thông, xác định địa chỉ, khai thác và sử dụng công trình.

2. Sự cần thiết đặt tên và căn cứ lựa chọn các đối tượng đề nghị đặt tên.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐẶT TÊN

1. Số lượng: ... đường phố; ... công trình công cộng (nếu có).

2. Danh mục đề nghị đặt tên: nêu tên dự kiến và thông tin nhận diện từng đối tượng; đối với đường phố ghi vị trí, điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, chiều rộng, cấp và chức năng; đối với công trình công cộng ghi vị trí, loại, chức năng, cấp, quy mô, phạm vi phục vụ, cơ quan hoặc tổ chức quản lý.

3. Căn cứ lựa chọn tên: nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa của tên dự kiến; kết quả xác minh; sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí đặt tên và sự tương xứng với đường phố, công trình công cộng.

4. Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đặt tên; tình trạng sử dụng tên trong ngân hàng tên của địa phương và việc xử lý trường hợp tên chưa có trong ngân hàng tên (nếu có).

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, LẤY Ý KIẾN VÀ HOÀN THIỆN HỒ SƠ

1. Việc rà soát, đề xuất và xây dựng phương án; việc nghiên cứu, xác minh tên gọi.

2. Việc công khai, lấy ý kiến Nhân dân, cơ quan, tổ chức có liên quan; thời gian lấy ý kiến; kết quả tổng hợp, tiếp thu, giải trình; ý kiến cơ quan phụ trách đối ngoại đối với tên người nước ngoài (nếu có).

3. Ý kiến Hội đồng tư vấn; nội dung tiếp thu, giải trình và hoàn thiện phương án. Trường hợp phải lấy ý kiến lại do thay đổi tên dự kiến, nêu rõ kết quả.

IV. ĐỀ NGHỊ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố ... xem xét, thông qua Nghị quyết về việc đặt tên ... đường phố, ... công trình công cộng theo danh mục kèm theo.

Hồ sơ gửi kèm: (1) Dự thảo nghị quyết; (2) Phương án đặt tên; (3) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến; (4) Văn bản ý kiến Hội đồng tư vấn; (5) Tài liệu xác minh tên gọi; (6) Bản đồ, sơ đồ hoặc dữ liệu không gian; (7) Các tài liệu liên quan khác.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT, ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Tờ trình về việc đổi tên đường phố, công trình công cộng

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/THÀNH PHỐ ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../TTr-UBND	..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Về việc đổi tên đường phố, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh/thành phố ...

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng;

Trên cơ sở hồ sơ do cơ quan chuyên môn về văn hóa lập, ý kiến của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng và kết quả lấy ý kiến theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... trình Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố ... xem xét, quyết định những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ ĐỔI TÊN

1. Khái quát hiện trạng tên gọi đang sử dụng, lịch sử đặt tên, vị trí và tình trạng quản lý đối với đường phố, công trình công cộng đề nghị đổi tên.

2. Nêu cụ thể lý do đổi tên của từng đối tượng; xác định rõ trường hợp xem xét đổi tên theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế; căn cứ và tài liệu chứng minh.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐỔI TÊN

1. Số lượng: ... đường phố; ... công trình công cộng (nếu có).

2. Danh mục đổi tên: ghi rõ tên hiện tại, văn bản xác lập tên hiện tại, tên đề nghị thay thế, lý do đổi tên và thông tin nhận diện đối tượng. Đối với đường phố nêu điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, chiều rộng, cấp, chức năng; đối với công trình công cộng nêu vị trí, loại, cấp, quy mô, chức năng, phạm vi phục vụ và đơn vị quản lý.

3. Thuyết minh nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa của tên mới; tài liệu xác minh; sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí và sự tương xứng với đối tượng được đổi tên.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đánh giá tác động của việc đổi tên đối với người dân, tổ chức, doanh nghiệp; địa chỉ, giấy tờ, hồ sơ; cơ sở dữ liệu, bản đồ và hệ thống thông tin có liên quan.

2. Dự kiến việc công bố tên mới, gắn hoặc thay biển tên, cập nhật vào ngân hàng tên và thông tin địa chỉ; cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và nguồn lực thực hiện.

IV. QUÁ TRÌNH LẤY Ý KIẾN, TIẾP THU VÀ HOÀN THIỆN HỒ SƠ

1. Việc công khai phương án và lấy ý kiến Nhân dân, cơ quan, tổ chức có liên quan; kết quả lấy ý kiến và việc tiếp thu, giải trình; ý kiến cơ quan phụ trách đối ngoại (nếu có).

2. Ý kiến của Hội đồng tư vấn; việc hoàn thiện phương án và lấy ý kiến lại nếu tên mới được điều chỉnh sau quá trình lấy ý kiến.

V. ĐỀ NGHỊ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố ... xem xét, thông qua Nghị quyết về việc đổi tên ... đường phố, ... công trình công cộng theo danh mục kèm theo.

Hồ sơ gửi kèm: (1) Dự thảo nghị quyết; (2) Phương án đổi tên theo Mẫu số 04; (3) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến; (4) Văn bản ý kiến Hội đồng tư vấn; (5) Hồ sơ, tài liệu xác minh tên mới và căn cứ đổi tên; (6) Bản đồ, sơ đồ hoặc dữ liệu không gian; (7) Tài liệu khác.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT, ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03. Phương án đặt tên đường phố, công trình công cộng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ... **……[1]**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../…-…….	..., ngày ... tháng ... năm ...

PHƯƠNG ÁN

Đặt tên đường phố, công trình công cộng trên địa bàn …

Căn cứ Nghị định số …/2026/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng;

Căn cứ [văn bản giao nhiệm vụ và các căn cứ có liên quan, nếu có];

Cơ quan chuyên môn về văn hóa xây dựng phương án như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ PHẠM VI ĐỀ NGHỊ ĐẶT TÊN

1. Khái quát tình hình đường phố, công trình công cộng chưa được đặt tên; nhu cầu quản lý địa chỉ, giao thông, quản lý công trình và nhu cầu của cộng đồng.

2. Số lượng đề nghị đặt tên: … đường phố; … công trình công cộng. Phạm vi địa bàn: …; cơ quan, đơn vị quản lý: …

II. DANH MỤC VÀ THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ ĐẶT TÊN

1. Đối với đường phố: xác định vị trí, điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, chiều rộng, cấp, chức năng và tình trạng đủ điều kiện khai thác, sử dụng; trường hợp chia đoạn phải giải trình căn cứ và ranh giới từng đoạn.

STT	Đường phố (mã/ký hiệu hiện tại)	Vị trí; điểm đầu - điểm cuối	Chiều dài; chiều rộng; cấp; chức năng	Tên đề nghị
…	…	…	…	…
…	…	…	…	…

2. Đối với công trình công cộng: xác định vị trí, loại, chức năng, cấp, quy mô, phạm vi phục vụ, cơ quan/tổ chức quản lý; tình trạng đầu tư xây dựng hợp pháp và căn cứ thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

[1] Cơ quan lập phương án theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế.

STT	Công trình (tên/mã hiện tại)	Vị trí; loại; chức năng	Cấp; quy mô; phạm vi phục vụ; đơn vị quản lý	Tên đề nghị
…	…	…	…	…
…	…	…	…	…

III. THUYẾT MINH LỰA CHỌN TÊN VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

1. Đối với từng tên đề nghị: ghi tên đầy đủ, nhóm tên theo Điều 5 Quy chế; nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa; hồ sơ xác thực và tình trạng sử dụng trong ngân hàng tên đường phố, công trình công cộng.

2. Giải trình việc đáp ứng các nguyên tắc tại Điều 4 Quy chế và điều kiện, tiêu chí tại Điều 6 Quy chế; căn cứ xác định sự tương xứng giữa tên dự kiến với vị trí, chức năng, cấp, quy mô của đối tượng được đặt tên; kiểm tra trùng tên, nhầm lẫn.

3. Trường hợp tên chưa có trong ngân hàng tên: nêu kết quả nghiên cứu, xác minh và việc bổ sung đồng thời theo Điều 8 Quy chế; trường hợp sử dụng tên người có nguồn gốc nước ngoài: nêu kết quả lấy ý kiến cơ quan phụ trách đối ngoại.

4. Thông tin dự kiến cung cấp qua mã QR hoặc phương thức điện tử khác (nếu có): nguồn gốc, ý nghĩa tên gọi, thông tin danh nhân, địa danh, sự kiện, vị trí và thông tin liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, LẤY Ý KIẾN VÀ HOÀN THIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Nêu cơ quan, đơn vị đề xuất; kết quả rà soát, xác minh.

2. Hình thức, thời điểm công khai phương án; thời gian lấy ý kiến 30 ngày; số lượng, nội dung ý kiến; nội dung tiếp thu, giải trình và điều chỉnh (nếu có).

3. Ý kiến Hội đồng tư vấn (ngày, số văn bản, nội dung chính); kết quả tiếp thu, giải trình; trường hợp thay đổi tên dự kiến sau lấy ý kiến, nêu việc lấy ý kiến lại theo khoản 4 Điều 13 Quy chế.

V. KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đặt tên đối với danh mục tại Mục II và phụ lục chi tiết kèm theo.

2. Sau khi nghị quyết có hiệu lực, đề xuất đơn vị thực hiện gắn biển tên, cập nhật ngân hàng tên, bản đồ và thông báo cơ quan, tổ chức liên quan theo Điều 14; nguồn kinh phí thực hiện theo quy định.

VI. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Danh mục chi tiết và bản đồ, sơ đồ hoặc dữ liệu không gian xác định vị trí từng đường phố, công trình công cộng.

2. Hồ sơ, tài liệu xác minh nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa của tên dự kiến; tài liệu chứng minh sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí.

3. Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến nhân dân và cơ quan, tổ chức có liên quan; văn bản ý kiến của Hội đồng tư vấn và tài liệu tiếp thu, giải trình.

4. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Nơi nhận:
- Uỷ ban nhân dân tỉnh/thành phố...;
- ...;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04. Phương án đổi tên đường phố, công trình công cộng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ... **……[1]**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../….-…….	..., ngày ... tháng ... năm ...

PHƯƠNG ÁN

Đổi tên đường phố, công trình công cộng trên địa bàn …

Căn cứ Nghị định số …/2026/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng;

Căn cứ [văn bản giao nhiệm vụ và các căn cứ có liên quan, nếu có];

Cơ quan chuyên môn về văn hóa xây dựng phương án như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ VÀ PHẠM VI ĐỔI TÊN

1. Thực trạng tên hiện đang sử dụng; những bất cập, nhu cầu và mục tiêu đổi tên. Không coi việc điều chỉnh thành tố chỉ tên hoặc cấp đơn vị hành chính mà không thay đổi nội dung định danh của tên công trình là đổi tên theo khoản 3 Điều 7 Quy chế.

2. Xác định rõ đối với từng trường hợp: thuộc diện phải xem xét đổi tên theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế; nêu cụ thể điểm, khoản áp dụng và chứng cứ tương ứng.

3. Số lượng đề nghị đổi tên: … đường phố; … công trình công cộng; địa bàn, phạm vi ảnh hưởng: …

II. DANH MỤC, HIỆN TRẠNG VÀ TÊN ĐỀ NGHỊ THAY THẾ

1. Đường phố: tên hiện tại và căn cứ pháp lý đặt tên trước đây; vị trí, điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, chiều rộng, cấp, chức năng; tên đề nghị thay thế và lý do.

STT	Tên hiện tại; văn bản đặt tên	Vị trí; điểm đầu – điểm cuối; quy mô	Tên đề nghị thay thế	Căn cứ đổi tên (Điều 7)
…	…	…	…	…
…	…	…	…	…

[1] Cơ quan lập phương án theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế.

2. Công trình công cộng: tên hiện tại và căn cứ pháp lý; vị trí, chức năng, loại, cấp, quy mô, phạm vi phục vụ, đơn vị quản lý; tên đề nghị thay thế và lý do.

STT	Tên hiện tại; văn bản đặt tên	Vị trí; loại; chức năng; quy mô	Tên đề nghị thay thế	Căn cứ đổi tên (Điều 7)
…	…	…	…	…
…	…	…	…	…

III. GIẢI TRÌNH TÊN MỚI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Nêu nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa và tài liệu xác thực của từng tên mới; sự phù hợp các điều 4, 5 và 7 Quy chế; căn cứ tương xứng với vị trí, chức năng, cấp, quy mô; kiểm tra trùng tên, nhầm lẫn; tình trạng trong ngân hàng tên.

2. Đánh giá tác động của việc đổi tên đối với người dân, tổ chức, doanh nghiệp; địa chỉ hành chính, giấy tờ, hồ sơ; biển tên, bản đồ, hệ thống thông tin và ngân hàng tên; chi phí, nguồn lực và khả năng thực hiện.

3. Phân tích tính cần thiết và mức độ ảnh hưởng so với quy định tại khoản 1 Điều 6; biện pháp hạn chế xáo trộn, hỗ trợ cập nhật thông tin, truyền thông và phối hợp liên ngành.

4. Trường hợp tên mới chưa có trong ngân hàng tên hoặc là tên người có nguồn gốc nước ngoài: nêu kết quả xác minh, bổ sung ngân hàng tên và lấy ý kiến đối ngoại theo quy định (nếu thuộc trường hợp áp dụng).

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, LẤY Ý KIẾN VÀ HOÀN THIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Nêu cơ quan, đơn vị đề xuất; kết quả rà soát, xác minh.

2. Thời điểm công khai; thời gian lấy ý kiến 30 ngày; tổng hợp ý kiến đồng thuận, không đồng thuận, kiến nghị; nội dung tiếp thu, giải trình. Nếu còn ý kiến khác nhau gây tranh cãi, nêu kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi lấy ý kiến Hội đồng tư vấn.

3. Ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn; nội dung tiếp thu, giải trình; việc lấy ý kiến lại khi thay đổi tên dự kiến (nếu có).

V. KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đổi tên theo danh mục kèm theo; xác định rõ tên cũ, tên mới và đối tượng áp dụng.

2. Dự kiến thời điểm thực hiện; đơn vị chủ trì gắn/thay biển tên; cập nhật tên mới và lưu vết tên cũ trong ngân hàng tên, bản đồ, hệ thống thông tin; thông báo, hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan theo Điều 14 Quy chế.

3. Kinh phí, phân công phối hợp và giải pháp xử lý vướng mắc trong quá trình chuyển đổi.

VI. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Danh mục chi tiết và bản đồ, sơ đồ hoặc dữ liệu không gian xác định vị trí từng đường phố, công trình công cộng.

2. Hồ sơ, tài liệu xác minh nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa của tên dự kiến; tài liệu chứng minh sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí.

3. Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân và cơ quan, tổ chức có liên quan; văn bản ý kiến của Hội đồng tư vấn và tài liệu tiếp thu, giải trình.

4. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Nơi nhận:
- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)